

## **Phụ lục I**

# **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /02/2024  
của UBND tỉnh Nam Định)

## **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

### **1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên (không thải ra ngoài môi trường).
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động nuôi trồng thủy sản (nuôi cá).

### **2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

#### **2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải**

Kênh tiêu thoát nước phía Bắc dự án tại xã Bạch Long, huyện Giao Thủy.

#### **2.2. Vị trí xả nước thải**

- Vị trí xả thải: 01 điểm xả vào kênh tiêu thoát nước phía Bắc dự án.
- Tọa độ vị trí xả nước thải:  $X(m) = 2.236.253$ ;  $Y(m) = 597.120$ .

(Theo hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ ; múi chiều  $3^{\circ}$ ).

#### **2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất**

1.342,14 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

##### **2.3.1. Phương thức xả nước thải**

Nước thải từ ao nuôi cá sẽ xả thải ra kênh tiêu thoát nước phía Bắc dự án theo phương thức bơm cưỡng bức.

##### **2.3.2. Chế độ xả nước thải**

Gián đoạn trong ngày và không theo chu kỳ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT(Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải được tính theo công thức  $C_{max} = C \times K_q \times K_f$  (Áp dụng hệ số  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1$ ; đối với các thông số: pH, Coliform thì  $C_{max} = C$ ), cụ thể như sau:

Bảng 1: Giới hạn giá trị thông số trong nước thải sau xử lý

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT(Cột B)	
			Giá trị C	Giá trị C <sub>max</sub>
1	pH	-	5,5 - 9	5,5 - 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50	45
3	COD	mg/l	150	135
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	90
5	Tổng N	mg/l	40	36
6	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000	5.000

(Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất)

Ghi chú:

- C<sub>max</sub> là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.
- C là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom theo đường ống D110 về bể tự hoại (03 ngăn) và nước thải từ khu vực nhà ăn được thu gom bằng đường ống D110 về bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về bể lắng lọc khử trùng trước khi theo hệ thống cống thoát nước thải D300 hiện có chảy ra ao sinh học của dự án (chiều sâu khoảng 2,5 m; diện tích khoảng 462,2 m<sup>2</sup>) và không thải ra ngoài môi trường. (Chi tiết thông số thiết kế của ao sinh học được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án).

- Nguồn số 02: Theo quy trình, công nghệ chăn nuôi gà của dự án và chủ đầu tư cam kết không phát sinh nước thải từ hoạt động chăn nuôi và vệ sinh chuồng trại. Nguồn phát sinh nước thải là nước từ hoạt động thau rửa ao nuôi cá sau mỗi đợt thu hoạch. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) sẽ xả thải ra kênh tiêu thoát nước phía Bắc dự án theo phương thức bơm cưỡng bức.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- Công trình xử lý nước thải
- + Bể tách dầu mỡ với thể tích 0,23 m<sup>3</sup>.

+ Hệ thống bể tự hoại thiết kế 03 ngăn: 02 bể tự hoại bao gồm: Khu vực nhà bảo vệ + nghỉ ca công nhân (thể tích 120 m<sup>3</sup>) và khu vực nhà ăn ca công nhân (thể tích 60 m<sup>3</sup>).

+ Hệ thống bể lắng lọc khử trùng có kích thước 1,5m × 2m × 1m (thể tích 03 m<sup>3</sup>) chia làm 03 ngăn (lắng, lọc, khử trùng).

- Hóa chất sử dụng: Cloramin B với khối lượng 02 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Chủ dự án bố trí cán bộ phụ trách môi trường của dự án đồng thời theo dõi và thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường của dự án.

- Thường xuyên kiểm tra ao nuôi cá tránh hiện tượng sạt lở bờ ao gây rò rỉ nước nuôi trồng thủy sản chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

- Khi có sự cố xảy ra đối với nước thải, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp: Cử cán bộ tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân và khắc phục sự cố; xem xét lại biện pháp xử lý nước thải, tính toán lại lượng chế phẩm sinh học hoặc hóa chất sử dụng để tăng hiệu quả xử lý và tránh lặp lại sự cố tương tự.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (quy định tại Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động nuôi cá của dự án bảo đảm nước thải xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi thải ra kênh tiêu thoát nước phía Bắc dự án. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

- Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

+ Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

+ Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước sau xử lý, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Giao Thủy để kịp thời xử lý./.